

**CÔNG TY
CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2010	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre được thành lập theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 05 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bến Tre về việc chuyển Công ty Dược và Vật tư Bến Tre thành Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55-03-000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 07 năm 2004 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 09 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại:

- Địa chỉ: số 6A3 Quốc lộ 60, P. Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Điện thoại: 075 382 95 28
- Fax: 075 382 74 67

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 VND (ba mươi tỷ đồng).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2010 gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học. Kinh doanh thuốc trị bệnh cho người. Kinh doanh thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, thùng;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÈN TRE
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đinh Văn Bích	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Nên	Thành viên
Ông Nhan Thế Hùng	Thành viên
Ông Lê Phước Lễ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Việt Sơn	Giám đốc
Ông Dương Thành Đông	Phó Giám đốc
Ông Lê Phước Lễ	Phó Giám Đốc
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Giám Đốc

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trần Hoàng Sơn	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Hải Đường	Thành viên
Ông Nguyễn Thiện Nhân	Thành viên

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Nguyễn Việt Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Bến Tre, ngày 20 tháng 07 năm 2010

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VIỆT SON

Số: 11.113/BCSX-DTL

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị
Các thành viên Ban Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2010.


K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KIỂM TOÁN
Đ.T.L.

TANG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		167.541.256.387	206.356.186.481
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.158.217.327	5.822.688.718
1. Tiền	111		2.158.217.327	5.822.688.718
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	1.279.101.577	1.575.346.357
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.584.539.927	1.804.752.673
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(305.438.350)	(229.406.316)
III. Các khoản phải thu	130	5.3	75.978.602.687	70.244.556.912
1. Phải thu khách hàng	131		72.869.885.920	66.306.503.022
2. Trả trước cho người bán	132		2.541.622.603	1.878.680.711
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.127.120.415	2.059.373.179
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(560.026.251)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	80.711.681.696	122.024.169.715
1. Hàng tồn kho	141		83.996.878.005	122.534.730.415
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.285.196.309)	(510.560.700)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.413.653.100	6.689.424.779
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	-	96.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.606.122	1.214.091.942
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.6	312.740.354	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	7.099.306.624	5.378.832.837

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.004.424.947	37.631.801.116
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.845.086.025	19.416.381.700
1. TSCĐ hữu hình	221	5.8	15.307.117.750	15.546.773.362
+ Nguyên giá	222		25.221.147.776	24.507.807.045
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.914.030.026)	(8.961.033.683)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.9	3.140.161.113	3.156.350.149
+ Nguyên giá	228		3.211.013.600	3.211.013.600
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(70.852.487)	(54.663.451)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	1.397.807.162	713.258.189
III. Bất động sản đầu tư	240	5.11	35.188.482	41.220.792
+ Nguyên giá	241		125.214.090	125.214.090
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(90.025.608)	(83.993.298)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	14.513.863.252	14.513.863.252
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.226.953.252	14.226.953.252
3. Đầu tư dài hạn khác	258		286.910.000	286.910.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.610.287.188	3.660.335.372
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	3.603.469.007	3.653.517.191
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.818.181	6.818.181
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.545.681.334	243.987.987.597

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		133.490.826.020	173.900.434.438
I. Nợ ngắn hạn	310		130.622.861.564	170.573.545.032
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	76.689.804.089	90.481.662.041
2. Phải trả người bán	312	5.15	46.043.400.236	73.351.957.789
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	706.864.903	1.578.152.987
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	1.732.365.882	3.580.416.343
5. Phải trả người lao động	315	5.17	2.188.276.708	-
6. Chi phí phải trả	316	5.18	1.289.665.294	104.519.664
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.19	1.795.946.245	1.458.206.018
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.20	176.538.207	18.630.190
II. Nợ dài hạn	330		2.867.964.456	3.326.889.406
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.21	2.722.299.234	3.168.799.234
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		109.301.585	121.726.535
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	36.363.637	36.363.637
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.054.855.314	70.087.553.159
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.23	72.004.855.314	70.037.553.159
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26.493.488.000	26.493.488.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.907.323.020	3.907.323.020
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.746.914.407	1.746.914.407
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.518.242.922	1.213.457.204
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.338.886.965	6.676.370.528
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	5.24	50.000.000	50.000.000
1. Nguồn kinh phí	432		50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.545.681.334	243.987.987.597

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		9.483,20	9.478,42
+ EUR		120,16	120,01
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG


NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG

Bến Tre, ngày 15 tháng 07 năm 2010

GIÁM ĐỐC


NGUYỄN VIỆT SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	204.631.734.885	180.717.552.174
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	448.186.235	602.517.776
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	204.183.548.650	180.115.034.398
4. Giá vốn hàng bán	11		161.765.905.031	145.076.414.600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.417.643.619	35.038.619.798
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	3.412.084.120	3.247.361.135
7. Chi phí tài chính	22	6.3	8.098.078.435	10.237.066.104
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.257.074.094	4.068.056.445
8. Chi phí bán hàng	24		24.890.912.685	21.341.423.971
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.706.166.471	6.001.609.835
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.134.570.148	705.881.023
11. Thu nhập khác	31		6.535.168.396	3.377.728.769
12. Chi phí khác	32		2.886.916.506	2.502.665.261
13. Lợi nhuận khác	40		3.648.251.890	875.063.508
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.782.822.038	1.580.944.531
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.4	1.557.195.757	197.618.066
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.225.626.281	1.383.326.465
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70		1.742	461

KÊ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG

Bến Tre, ngày 15 tháng 07 năm 2010

GIAM ĐỐC



NGUYỄN VIỆT SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.782.822.038	1.580.944.531
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.015.097.742	988.995.313
Các khoản dự phòng	03		3.410.693.894	(910.363.452)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.923.386.824)	(42.223.986)
Chi phí lãi vay	06		6.257.074.094	4.068.056.445
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.542.300.944	5.685.408.851
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.394.326.560)	(9.961.101.220)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		38.537.852.410	13.929.997.433
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(26.559.477.124)	(163.957.836)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		146.548.184	(200.867.004)
Tiền lãi vay đã trả	13		(6.257.074.094)	(3.977.457.647)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.326.877.115)	(547.543.058)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		335.638.641	3.289.348.994
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.936.315.792)	(8.836.778.857)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		13.088.269.494	(782.950.344)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.482.895.227)	(419.573.522)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.968.512.294	371.263.986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		485.617.067	(48.309.536)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		132.720.665.270	122.777.596.661
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(146.959.023.222)	(122.757.928.337)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.000.000.000)	(98.891.102)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.238.357.952)	(79.222.778)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(3.664.471.391)	(910.482.658)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.822.688.718	7.272.816.656
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		2.158.217.327	6.362.333.998

KẾ TOÁN TRƯỞNG


NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG

Bến Tre, ngày 15 tháng 07 năm 2010

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VIỆT SƠN

07/07/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 05 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bến Tre về việc chuyển Công ty Dược và Vật tư Bến Tre thành Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55-03-000017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 07 năm 2004 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 09 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại:

- Địa chỉ: số 6A3 Quốc lộ 60, P. Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Điện thoại: 075 382 95 28
- Fax: 075 382 74 67

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 VND (ba mươi tỷ đồng).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2010 gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học. Kinh doanh thuốc trị bệnh cho người. Kinh doanh thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, thùng;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học. Kinh doanh thuốc trị bệnh cho người. Kinh doanh thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế;

101 5 4 1 17

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, thùng;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	08 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 05 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
+ Tài sản cố định vô hình	45 – 48 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc

06 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	372.408.659	426.509.155
Tiền gửi ngân hàng	1.707.008.668	5.396.179.563
Tiền đang chuyển	78.800.000	-
Tổng cộng	2.158.217.327	5.822.688.718

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	1.584.539.927	1.804.752.673
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	1.584.539.927	1.804.752.673
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(305.438.350)	(229.406.316)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	1.279.101.577	1.575.346.357

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn được chi tiết như sau:

Tên công ty	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	9.500	443.069.994	3.300	320.476.600
Công ty Cổ phần Vật Tư Xăng Dầu Vitaco	-	-	1.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa	6.000	217.685.456	6.400	247.187.969
Công Cổ phần Cao Su Thống Nhất	6.000	101.081.377	28.000	462.952.265
Công Cổ phần Dược Hậu Giang	-	-	900	145.041.635
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Cửu Long	2.000	126.022.210	2.500	153.973.569
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	1.100	57.197.936	600	31.621.436
Công ty Cổ phần XNK Y tế Domesco	6.000	314.225.966	2.300	131.212.961
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	1.000	70.009.486	500	36.811.962
Công ty Cổ phần Traphaco	505	28.885.242	3.000	195.772.821
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	-	-	300	3.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây Dựng Điện Việt Nam	-	-	4.000	66.701.455
Công ty Bóng Đèn Điện Quang	2.000	91.674.200	-	-
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	2.000	134.688.060	-	-
Cộng	36.105	1.584.539.927	52.800	1.804.752.673

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	72.869.885.920	66.306.503.022
Trả trước cho người bán	2.541.622.603	1.878.680.711
Các khoản phải thu khác	1.127.120.415	2.059.373.179
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	76.538.628.938	70.244.556.912
Dự phòng phải thu khó đòi	(560.026.251)	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	75.978.602.687	70.244.556.912

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, phải thu các bên có liên quan được chi tiết như sau (xem thêm mục 7):

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Liên doanh Meyer - BPC	3.190.808.419	1.986.309.632
Tổng cộng	3.190.808.419	1.986.309.632

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu thuế thu nhập cá nhân tại Văn phòng Công ty	31.477.840	245.529.532
Thuế VAT đầu vào chưa được khấu trừ	795.508.324	678.020.667
Thuế VAT hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	271.782.715	826.806.830
Bảo hiểm Xã hội, Y tế nộp trước	8.450.504	57.079.731
Thuế thu nhập cá nhân phải thu tại Chi nhánh Thành phố	16.839.162	18.396.990
Phải thu thuế thu nhập cá nhân tại Chi nhánh Hà Nội	3.061.870	-
Phải thu Thuế Thu nhập cá nhân khác	-	233.539.429
Cộng	1.127.120.415	2.059.373.179

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	1.890.866.229	1.094.487.528
Nguyên liệu, vật liệu	200.462.592	286.632.365
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.219.584	274.502.422
Hàng hóa	81.872.329.600	120.879.108.100
Cộng giá gốc hàng tồn kho	83.996.878.005	122.534.730.415
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.285.196.309)	(510.560.700)
Giá trị thuần có thể thực hiện	80.711.681.696	122.024.169.715

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 2.774.635.609 do hàng sắp hết hạn sử dụng.

5.5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phụ cấp cán bộ năm 2010	-	71.500.000
Thuế môn bài năm 2010	-	25.000.000
Tổng cộng	-	96.500.000

18/06/2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BỀN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân tạm nộp	312.740.354	-
Tổng cộng	312.740.354	-

5.7. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	1.323.298.656	335.856.038
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.776.007.968	5.042.976.799
Tổng cộng	7.099.306.624	5.378.832.837

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	ĐVT: đồng				
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền đẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	18.343.048.764	556.724.979	3.741.445.916	1.866.587.386	24.507.807.045
Mua trong kỳ	-	220.000.000	-	578.346.254	798.346.254
Thanh lý, nhượng bán	(85.005.523)	-	-	-	(85.005.523)
Số dư cuối kỳ	18.258.043.241	776.724.979	3.741.445.916	2.444.933.640	25.221.147.776
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.166.533.424	555.662.547	1.753.417.675	1.485.420.037	8.961.033.683
Khấu hao trong kỳ	613.744.056	3.428.024	180.430.086	195.274.230	992.876.396
Thanh lý, nhượng bán	(39.880.053)	-	-	-	(39.880.053)
Số dư cuối kỳ	5.740.397.427	559.090.571	1.933.847.761	1.680.694.267	9.914.030.026
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	13.176.515.340	1.062.432	1.988.028.241	381.167.349	15.546.773.362
Tại ngày cuối kỳ	12.517.645.814	217.634.408	1.807.598.155	764.239.373	15.307.117.750

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thể chấp cho các khoản vay là 11.462.938.229 đồng – xem thêm mục 5.14 và mục 5.21.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.886.841.078 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	3.211.013.600	3.211.013.600
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối kỳ	3.211.013.600	3.211.013.600
Khấu hao lũy kế		
Số dư đầu năm	54.663.451	54.663.451
Khấu hao trong kỳ	16.189.036	16.189.036
Số dư cuối kỳ	70.852.487	70.852.487
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	3.156.350.149	3.156.350.149
Tại ngày cuối kỳ	3.140.161.113	3.140.161.113

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 2.740.615.466 đồng – xem thêm mục 5.14 và mục 5.21.

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công trình xây dựng Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	428.175.020	713.258.189
Công trình xây dựng văn phòng Cần Thơ	828.919.664	-
Công trình sửa chữa cửa hàng bán lẻ	20.963.239	-
Công trình xây dựng xưởng sản xuất thuốc nước	45.863.636	-
Công trình xây dựng cửa hàng Bệnh viện Tâm Thần	73.885.603	-
Tổng cộng	1.397.807.162	713.258.189

10/1/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	125.214.090	125.214.090
Tăng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	125.214.090	125.214.090
Khấu hao lũy kế		
Số dư đầu năm	83.993.298	83.993.298
Tăng trong kỳ	6.032.310	6.032.310
Số dư cuối kỳ	90.025.608	90.025.608
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	41.220.792	41.220.792
Tại ngày cuối kỳ	35.188.482	35.188.482

5.12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào cơ sở liên doanh đồng kiểm soát	14.226.953.252	14.226.953.252
Đầu tư dài hạn khác	286.910.000	286.910.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	14.513.863.252	14.513.863.252
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	14.513.863.252	14.513.863.252

Khoản đầu tư vào cơ sở liên doanh đồng kiểm soát tương đương 900.000 USD là khoản góp vốn liên doanh giữa Công ty Dược và Vật tư y tế Bến Tre (nay là Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre) với Công ty Meyer Pharmaceuticals Hong Kong theo hợp đồng liên doanh ký ngày 12 tháng 12 năm 2000. Đây là hợp đồng liên doanh dưới hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát với các chi tiết cụ thể như sau:

Công ty Liên doanh Meyer – BPC được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 2215/GP do Bộ Kế Hoạch và Đầu tư cấp ngày 20 tháng 08 năm 2001 và Giấy chứng nhận đầu tư số 551022000001 do Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre cấp ngày 20 tháng 08 năm 2001 và thay đổi lần thứ 3 ngày 13 tháng 02 năm 2008.

Trụ sở chính đặt tại : 6A3, Quốc lộ 60, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Tổng số vốn đầu tư : 1.500.000 USD

Vốn điều lệ : 1.500.000 USD

Trong đó, bên Việt Nam góp 60% vốn pháp định và bên Hồng Kông góp 40% vốn pháp định.

Quyền đối với phần vốn góp của Công ty trong Công ty Liên doanh Meyer – BPC với giá trị 600.000 USD tương đương 9.447.203.252 đồng đã đem cầm cố để đảm bảo cho hợp đồng vay số 08.10.009/HĐTD ngày 10/04/2008 theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 08.0052/HĐCC/00 ngày 16/04/2008 – xem thêm mục 5.14.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	7.971	196.710.000	7.971	196.710.000
Đầu tư trái phiếu	5	90.200.000	5	90.200.000
Cộng	7.976	286.910.000	7.976	286.910.000

5.13. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí thuê đất tại lô số 1A, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân. Thời hạn thuê đất đến ngày 17 tháng 06 năm 2047.	3.603.469.007	3.653.517.191
Tổng cộng	3.603.469.007	3.653.517.191

5.14. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	65.092.162.236	78.122.020.188
Vay cá nhân	11.597.641.853	12.359.641.853
Tổng cộng	76.689.804.089	90.481.662.041

Các khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng Tài sản cố định hữu hình (xem thêm mục 5.8), Tài sản cố định vô hình (xem thêm mục 5.9), khoản Đầu tư vào cơ sở liên doanh đồng kiểm soát (xem thêm mục 5.12) và chịu lãi suất 15%/năm.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân dưới hình thức tín chấp, thời hạn từ 06 đến 12 tháng và chịu lãi suất 1,06%/tháng.

5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	46.043.400.236	73.351.957.789
Người mua trả tiền trước	706.864.903	1.578.152.987
Tổng cộng	46.750.265.139	74.930.110.776

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, phải trả các bên có liên quan được chi tiết như sau (xem thêm mục 7):

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Liên doanh Meyer - BPC	10.603.510.730	17.902.336.137
Tổng cộng	10.603.510.730	17.902.336.137

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	682.691.935	1.355.900.282
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	271,791,883	826.807.278
Thuế xuất, nhập khẩu	29.006.619	1
Thuế thu nhập doanh nghiệp	748.875.445	518.556.804
Thuế thu nhập cá nhân	-	879.151.978
Tổng cộng	1.732.365.882	3.580.416.343

5.17. Phải trả người lao động

Là khoản lương kỳ 2 tháng 6 và thưởng 6 tháng đầu năm 2010 còn phải trả.

5.18. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước lãi vay cá nhân	118.347.994	104.519.664
Trích trước hàng khuyến mãi Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	152.000.000	
Trích trước chi phí khuyến mãi các huyện	689.317.300	
Trích trước chi phí khuyến mãi tham quan Đà Lạt	330.000.000	-
Tổng cộng	1.289.665.294	104.519.664

5.19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	266.536.658	309.523.844
Phải trả tiền bán tài sản giữ hộ nhà nước	-	4.000.000
Cổ tức phải trả	191.088.350	190.548.350
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	233.000.000	233.000.000
Nhận tiền thế chân bình nước tinh khiết	80.900.000	77.696.000
Thuế thu nhập cá nhân thu hộ	469.256.836	85.947.459
Các khoản phải trả, phải nộp khác	555.164.401	557.490.365
Tổng cộng	1.795.946.245	1.458.206.018

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	18.630.190	-
Trích lập trong kỳ	258.324.127	623.048.644
Sử dụng trong kỳ	(100.416.110)	(604.418.454)
Số dư cuối kỳ	176.538.207	18.630.190

5.21. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	2.678.974.058	3.125.474.058
Vay Sứ y tế tỉnh Bến Tre	43.325.176	43.325.176
Tổng cộng	2.722.299.234	3.168.799.234

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 05 đến 10 năm với lãi suất từ 13,85% đến 14,17%/năm, các khoản vay được bảo đảm bằng Tài sản cố định hữu hình và Tài sản cố định vô hình – xem thêm mục 5.8 và 5.9

5.22. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ	Đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện của hợp đồng cho thuê căn nhà bảo vệ số 6A3 Quốc lộ 60 P. Phú Tân, Thành phố Bến Tre	36.363.637	36.363.637
Tổng cộng	36.363.637	36.363.637

(Tiếp theo ở trang 25)

2005
2006
2007
M
2008
1/10

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23. Vốn chủ sở hữu

5.23.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	ĐVT: đồng				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	26.493.488.000	3.797.499.200	7.229.800.243	67.520.787.443
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	6.095.714.360	6.095.714.360
Tăng khác	-	-	3.070.195.431	-	3.070.195.431
Giảm vốn năm trước	-	-	-	(3.070.195.431)	(3.070.195.431)
Giảm khác	-	-	-	(3.578.948.644)	(3.578.948.644)
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	26.493.488.000	6.867.694.631	6.676.370.528	70.037.553.159
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	5.225.626.281	5.225.626.281
Tăng khác	-	-	304.785.718	-	304.785.718
Trích quỹ	-	-	-	(304.785.718)	(304.785.718)
Giảm khác	-	-	-	(3.258.324.127)	(3.258.324.127)
Số dư cuối kỳ này	30.000.000.000	26.493.488.000	7.172.480.349	8.338.886.964	72.004.855.313

5.23.2. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
+ Cổ phần phổ thông	3.000.000	3.000.000
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành		
+ Cổ phần phổ thông	3.000.000	3.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.23.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của Công ty	5.225.626.281	1.383.326.465
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.742	461

17/06/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BỀN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23.4. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	6.676.370.528	7.229.800.243
Lợi nhuận sau thuế trong năm	5.225.626.281	1.383.326.465
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(304.785.718)	(482.457.204)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(258.324.127)	(578.948.644)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	(1.622.823.820)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	(964.914.407)
Chia cổ tức	(3.000.000.000)	-
Chi khác	-	(98.891.102)
Tăng khác	-	329.040.000
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	8.338.886.964	5.194.131.531

5.24. Nguồn kinh phí

	Kỳ này	Kỳ trước
Nguồn kinh phí đầu kỳ	50.000.000	50.000.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	50.000.000	50.000.000

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	204.631.734.885	180.717.552.174
Hàng bán bị trả lại	(448.186.235)	(602.517.776)
Doanh thu thuần	204.183.548.650	180.115.034.398

6.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.345.841.294	1.027.037.054
Cổ tức, lợi nhuận được chia	622.671.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	901.633.259	1.114.100.613
Chiết khấu, hoa hồng bán hàng	308.961.603	15.186.932
Doanh thu hoạt động tài chính khác	232.976.964	1.091.036.536
Tổng cộng	3.412.084.120	3.247.361.135

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	6.257.074.094	4.068.056.445
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	199.935.770	140.443.259
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.334.308.472	5.468.320.116
Chi phí hoạt động tài chính khác	306.760.099	560.246.284
Tổng cộng	8.098.078.435	10.237.066.104

6.4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Số tiền
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	6.782.822.038
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	102.260.992
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(656.300.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	6.228.783.030
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.557.195.757
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	1.557.195.757

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: chi phí không hợp lệ, lãi vay cá nhân vượt mức khống chế.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên công ty	Mối quan hệ
1. Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Cơ sở liên doanh đồng kiểm soát

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.3	3.190.808.419	1.986.309.632
Phải trả - xem thêm mục 5.15	10.603.510.730	17.902.336.137

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng	1,149,843,672	993.154.816
Mua hàng	16,087,512,253	8.951.168.068

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương Ban Giám đốc	234.858.084	227.417.740
Tổng cộng	234.858.084	227.417.740

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 07 năm 2010.

Bến Tre, ngày 15 tháng 07 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG


NGUYỄN VĂN CHÍ CƯỜNG



NGUYỄN VIỆT SƠN